

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP QUY ĐỔI TỪ VÂY SANG CÁ THỂ TÊ TÊ CỦA IUCN ĐỐI VỚI TỘI PHẠM TẠI ĐIỀU 244 BỘ LUẬT HÌNH SỰ

ThS NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
PGS-TS LÊ HUỖNH TẤN DUY

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: npthao_hs@hcmulaw.edu.vn; lhtduy@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Tê tê là đối tượng được bảo vệ bởi pháp luật hình sự của nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy Việt Nam hiện vẫn chưa có phương pháp để quy đổi từ vây sang cá thể tê tê, dẫn đến việc áp dụng pháp luật còn hạn chế. Bài viết trình bày quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các hành vi phạm tội liên quan đến vây tê tê và thực trạng áp dụng thông qua phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, nghiên cứu án điển hình. Đặc biệt, bài viết phân tích, đánh giá nghiên cứu của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (International Union for Conservation of Nature, IUCN) về phương pháp quy đổi từ vây sang cá thể tê tê và đặt ra kỳ vọng có thể áp dụng tại Việt Nam trong tương lai. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

Từ khóa: vây tê tê, vụ án hình sự, phương pháp quy đổi, CITES, IUCN, Việt Nam

Abstract

Pangolins are protected subjects under the criminal laws of many countries, including Vietnam. However, research indicates that Vietnam currently lacks a standardized method for converting the quantity of seized scales into the equivalent number of individual pangolins, resulting in limitations in the application of relevant legal provisions. This article presents an overview of the Vietnamese criminal law provisions governing offenses related to pangolin scales and analyzes the current state of legal enforcement through doctrinal legal research and case study analysis. In particular, the article examines and evaluates the International Union for Conservation of Nature (IUCN)'s research on the methodology for converting pangolin scales into individual specimens, and discusses the potential for its application in Vietnam in the future. Based on this analysis, the authors offer a number of recommendations aimed at reforming Vietnam's criminal legal framework. **Keywords:** subject of supreme supervision, supreme oversight activities, the National Assembly, examine oversight results, Law on Supervisory activities of the National Assembly and People's Councils

Keywords: pangolin scale, criminal case, covert method, CITES, IUCN, Vietnam

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.390>

Ngày nhận bài: 14/05/2025

Ngày duyệt đăng: 14/08/2025

Tê tê là loài động vật có vú duy nhất được bao phủ hoàn toàn bởi vây và hiện nay có thể được coi là loài động vật có vú hoang dã bị buôn bán nhiều nhất trên thế giới.¹ Nghiên cứu cho thấy có 08 loài tê tê (04 loài phân bố ở châu Á và 04 loài phân bố ở châu Phi)² đều thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (*Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora*, CITES).³ Việt Nam có khung pháp lý chung về xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến động vật hoang dã và cũng đã áp dụng những quy định này trong giải quyết các vụ án liên quan đến tê tê và vây tê tê. Tuy nhiên, thực

1 United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), *Wildlife Crime: Pangolin Scales*, 2020, tr. 5, https://www.unodc.org/documents/wwcr/2020/Wildlife_crime_Pangolin_UNODC.pdf, truy cập ngày 10/10/2024.

2 United States Agency for International Development (USAID), "Hướng dẫn nhận dạng các loài tê tê: Công cụ đánh giá nhanh cho nhân viên cơ sở và văn phòng", 2017, tr. 3-4, https://www.usaidrdw.org/resources/reports/inbox/pangolin-id-guide_vietnamese_final.pdf, truy cập ngày 25/9/2024.

3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/02/2023 của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam về việc công bố danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc phụ lục CITES.

tiền giải quyết vụ án hình sự (VAHS) của Việt Nam liên quan đến vảy tê tê trong thời gian qua vẫn chưa thực sự hiệu quả. Nhiều vụ bắt giữ vảy tê tê không được xử lý theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 mà lại được xử lý về tội tại Điều 190 và/hoặc tội tại Điều 191 vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Việt Nam hiện chưa có phương pháp quy đổi vảy tê tê sang cá thể tê tê, từ đó tạo ra rào cản lớn cho quá trình áp dụng pháp luật. Ngoài ra, việc chưa xác định rõ vảy tê tê là sản phẩm hay bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng áp dụng pháp luật chưa thống nhất.

Nhóm chuyên gia về tê tê của Ủy ban Bảo tồn loài thuộc IUCN đang trong quá trình hoàn thiện nghiên cứu về xây dựng thông số chuyển đổi cho 08 loài tê tê, cho phép xác định số lượng tê tê từ khối lượng vảy bị tịch thu. Nghiên cứu này được xem như đơn đặt hàng từ CITES, do đó, kết quả của nghiên cứu sẽ có giá trị ứng dụng đối với các quốc gia thành viên của CITES, bao gồm Việt Nam. Dựa trên bản cập nhật mới nhất từ Báo cáo của nhóm chuyên gia đệ trình lên CITES năm 2024, nhóm tác giả đưa ra những bình luận, đánh giá để xem xét khả năng ứng dụng của nghiên cứu này vào giải quyết VAHS ở Việt Nam trong tương lai gần.

Để giải quyết hiệu quả các VAHS liên quan đến vảy tê tê ở Việt Nam, trước hết cần phải hoàn thiện pháp luật hình sự, trong đó mục tiêu quan trọng là có thể xử lý được hành vi phạm tội tại Điều 244 BLHS năm 2015, hạn chế tình trạng vay mượn quy định tại các Điều 190, 191. Dự thảo BLHS sửa đổi năm 2025 đã sử dụng khối lượng vảy tê tê thu giữ được để làm căn cứ định tội, định khung hình phạt. Tuy nhiên, nhóm tác giả không đồng ý với hướng sửa đổi này với những lập luận chi tiết sẽ được trình bày trong phần nội dung bài viết.

1. Phương pháp quy đổi từ vảy sang cá thể tê tê theo nghiên cứu của Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế

1.1. Khái quát quá trình thực hiện nghiên cứu

Cuộc họp lần thứ 18 của Hội nghị các bên tham gia CITES tại Geneva vào năm 2019 đã thông qua Quyết định 18.239.⁴ Quyết định này chỉ đạo Ban thư ký CITES, tùy thuộc vào nguồn tài trợ bên ngoài, làm việc với Nhóm chuyên gia về tê tê của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (*International Union for Conservation of Nature, IUCN*) và các chuyên gia có liên quan khác, hợp tác với các quốc gia có phạm vi phân bố tê tê (*the pangolin range States*), để xây dựng các thông số chuyển đổi cho tất cả các loài tê tê, cho phép xác định số lượng tê tê đáng tin cậy liên quan từ số vảy bị tịch thu.

Tại cuộc họp lần thứ 19 ở Thành phố Panama vào năm 2022, Hội nghị các bên tham gia CITES đã thông qua một bộ Quyết định về tê tê,⁵ trong đó Quyết định 18.239 đã được gia hạn tiếp tục thực hiện. Một năm sau, Báo cáo của nhóm chuyên gia IUCN đã được trình lên Ủy ban Động vật tại cuộc họp lần thứ 32 tại Geneva vào tháng 6/2023 và được đưa vào Phụ lục của tài liệu AC32 Doc.31.⁶ Điểm nổi bật trong Báo cáo là kết quả ước tính khối lượng vảy của tất cả 08 loài tê tê dựa trên dữ liệu đóng góp đến ngày 08/11/2022.⁷ Tại cuộc họp lần thứ 33 của Ủy ban Động vật tại Geneva từ ngày 12 - 19/7/2024, Ủy ban Động vật đã mời nhóm chuyên gia về tê tê

4 Quyết định 18.239 đã được triển khai thực hiện nhờ khoản đóng góp tài chính từ Pháp cho Chương trình chiến lược của Liên đoàn quốc tế về chống tội phạm ĐVHD (ICWC).

5 Bao gồm các Quyết định số 18.238, 18.239, 19.200 và 19.204.

6 CITES, Tài liệu AC32 Doc. 31 tại phiên họp thứ 32 của Ủy ban Động vật tại Geneva (Thụy Sĩ) từ ngày 19-23/6/2023, 2023, <https://cites.org/sites/default/files/documents/E-AC32-31.pdf>, truy cập ngày 26/11/2024.

7 CITES, *tdld*, tr. 3.

của IUCN cung cấp bản cập nhật mới nhất của Báo cáo. Theo đó, Báo cáo năm 2024 về khối lượng vảy của 08 loài tê tê đã được đệ trình, bao gồm các nội dung liên quan đến việc phân tích dữ liệu có sẵn, trình bày các tham số chuyển đổi, những hạn chế liên quan đến các tham số này và đề xuất các bên xem xét trong cuộc họp.

1.2. Phương pháp thực hiện nghiên cứu

Các nhóm chuyên gia đến từ các quốc gia được hướng dẫn để thu thập dữ liệu theo 03 cấp độ sau tùy theo thời gian và nguồn lực của họ:

- Cấp độ 1 bao gồm thu thập một dữ liệu duy nhất về tổng khối lượng vảy cho mỗi mẫu vật tê tê có sẵn (ví dụ: xác chết), chụp 10 bức ảnh đi kèm cho mỗi mẫu vật. Đây là hình thức thu thập dữ liệu cơ bản nhất và dữ liệu Cấp độ 1 là dữ liệu tối thiểu bắt buộc để đóng góp vào việc phát triển các thông số chuyển đổi.

- Cấp độ 2 bao gồm thu thập dữ liệu về khối lượng vảy cho các vùng cơ thể khác nhau (ví dụ: thân và đuôi) ngoài tổng khối lượng vảy và 9 bức ảnh bổ sung cho mỗi mẫu vật.

- Cấp độ 3 bao gồm bộ sưu tập dữ liệu Bậc 2 và các phép đo bổ sung về độ dày, độ mềm dẻo và khối lượng của các vảy đã chọn. Dữ liệu Bậc 2 và Bậc 3 sẽ được sử dụng để cung cấp thông tin cho việc phát triển các công cụ ngoài việc thực hiện Quyết định 18.239.

Tất cả dữ liệu được cộng tác viên gửi cho nhóm chuyên gia đều được kiểm tra độ chính xác và mọi lỗi đều được sửa thông qua trao đổi với cộng tác viên.⁸ Sau đó, nhóm chuyên gia sẽ áp dụng phương pháp thống kê mô tả để ước tính giá trị trung bình (và độ lệch chuẩn), bao gồm khoảng tin cậy 95%, phạm vi và khối lượng thang đo trung bình cho từng loài thông qua công cụ thống kê Shapiro-Wilks. Tiếp theo, nhóm chuyên gia sử dụng công cụ kiểm định phương sai Kruskal-Wallis⁹ để kiểm tra sự khác biệt đáng kể về khối lượng vảy giữa các loài và sử dụng công cụ Wilcoxon để kiểm tra sự khác biệt đáng kể giữa các cặp loài. Tất cả các phân tích được thực hiện trong ứng dụng RStudio phiên bản 1.4.1717.¹⁰

1.3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả của nghiên cứu được thể hiện qua Bảng tóm tắt ước tính thông số chuyển đổi cho 08 loài tê tê sau đây:

Loài tê tê	Số lượng mẫu vật trong nghiên cứu	Mức trung bình ± Độ lệch chuẩn (độ tin cậy 95%) (g)	Trung bình (g)
Tê tê đất khổng lồ	1022	3853.01 ± 617.22 (3815.12-3980.89)	3876.5
Tê tê đất	20	2020.1 ± 935.72 (1582.17-2458.03)	1928.88
Tê tê Ấn Độ	13	1299.95 ± 623.64 (923.08-1676.81)	1096.89
Tê tê Trung Quốc	35	592.98 ± 217.63* (518.22-667.73)	573.47*
Tê tê Sunda	124	367.54 ± 161.48 (338.24-396.24)	357.75

⁸ CITES, *ildd*, tr. 5.

⁹ Yinglin Xia, *Kruskal Wallis Test*, ScienceDirect, 2012, <https://www.sciencedirect.com/topics/medicine-and-dentistry/kruskal-wallis-test>

¹⁰ CITES, *ildd*, tr. 4.

Tê tê Philipines	21	368.28 ± 79.84 (331.93–404.62)	341
Tê tê bụng đen sống trên cây	1029	322.68 ± 27.82 (320.97–324.38)	324
Tê tê bụng trắng sống trên cây	31	184.02 ± 50.61 (165.45–202.58)	184.31

Kết quả kế thừa từ công trình của Zhou và cộng sự năm 2012¹¹

Như vậy, thông qua kết quả nghiên cứu này, cơ quan có thẩm quyền chỉ cần cân khối lượng vảy tê tê thu giữ được, sau đó áp dụng công thức sau đây để tính số lượng cá thể tê tê trong lô hàng:

$$\text{Số lượng cá thể tê tê theo loài} = \frac{\text{Khối lượng vảy tê tê thu giữ được}}{\text{Khối lượng vảy trung bình/cá thể tê tê theo loài}}$$

1.4. Nhận xét về phương pháp quy đổi từ khối lượng vảy sang số lượng cá thể tê tê của IUCN

Nhóm tác giả nhận thấy phương pháp quy đổi từ khối lượng vảy sang cá thể tê tê của IUCN có những ưu và nhược điểm sau:

1.4.1. Về ưu điểm

Thứ nhất, phương pháp quy đổi này có phạm vi nghiên cứu ở tầm vĩ mô. Kết quả nghiên cứu lấy từ đa dạng các nguồn như cơ quan quản lý, khoa học, thực thi pháp luật (việc kết nối được thực hiện với 164 tổ chức, 124 cá nhân trong các cơ quan lần lượt ở châu Phi, châu Á và 148 cá nhân khác đang nghiên cứu về tê tê). Sau khi tiếp xúc ban đầu, nhóm nghiên cứu tiếp tục mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các tổ chức phi chính phủ, chuyên gia bảo tồn, tổ chức học thuật, bảo tàng, vườn thú và trung tâm cứu hộ ĐVHD.¹² Phạm vi nghiên cứu rộng lớn đảm bảo sự đa dạng từ các nguồn thông tin thu được, từ đó cho ra kết quả khách quan, toàn diện hơn.

Thứ hai, phương pháp quy đổi dựa trên khối lượng vảy vốn vẫn được đề cao vì đơn giản, dễ thực hiện. Đặc biệt, nhóm chuyên gia của IUCN đã tính toán được thông số quy đổi của 08 loài tê tê được công nhận trên thế giới.

Thứ ba, trong quá trình thực hiện công trình, nhóm chuyên gia đã tận dụng tối đa các chức năng của công nghệ thông qua việc sử dụng nhiều công cụ, ứng dụng trên máy tính để đảm bảo kết quả nghiên cứu được khách quan và mang tính chính xác cao.

Thứ tư, công trình nghiên cứu của nhóm chuyên gia là “đơn đặt hàng” từ Ban thư ký CITES. Do đó, kết quả nghiên cứu sau khi được công bố và thông qua lần cuối cùng sẽ có giá trị ứng dụng cao, đặc biệt với 184 quốc gia thành viên của CITES.

1.4.2. Về nhược điểm

Hạn chế lớn nhất hiện nay của phương pháp này là đang trong quá trình nghiên cứu và vẫn chưa có kết quả cuối cùng, vẫn chưa được áp dụng trên thực tế. Thứ hai, phương pháp quy đổi từ khối lượng vảy chỉ áp dụng đối với vảy khô, không áp dụng đối với vảy ướt. Tuy nhiên, hầu hết các trường hợp thu giữ vảy trên thế giới đều là vảy khô do tính chất của vảy khô dễ bảo quản và vận chuyển. Cuối cùng, phương pháp nghiên cứu này chưa đưa ra được các thông số chính thức cho các trường hợp trộn lẫn

¹¹ Zhou Zhao-Min, Zhao Hong, Zhang Zhong-Xu, Wang Ze-Hui, Wang Han, “Allometry of scales in Chinese pangolins (*Manis pentadactyla*) and Malayan pangolins (*Manis javanica*) and application in judicial expertise”, *Zoological Research*, 2012, Vol. 33(3), tr. 271–275, doi: 10.3724/SP.J.1141.2012.03271

¹² CITES, *ltdđ*, tr. 3.

vảy (bao gồm cả mức độ sai số). Tuy vậy, khi thông số chuyển đổi của 08 loài tê tê được thông qua đồng nghĩa với kết quả này có độ tin cậy rất cao và có thể ứng dụng trên thực tế. Do đó, việc tính toán các thông số trung bình trong các trường hợp trộn lẫn vảy không phải là quá khó khăn, kết hợp với ưu điểm về mặt công nghệ được áp dụng trong nghiên cứu, các sai số được thiết lập cho các thông số này cũng được dự đoán có độ chính xác cao.

2. Pháp luật hình sự Việt Nam và thực trạng áp dụng pháp luật trong xử lý hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê

2.1. Pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê

Tại Việt Nam có hai loài tê tê thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ là tê tê Java và tê tê vàng.¹³ Đồng thời hai loài tê tê này cũng thuộc nhóm IB Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm¹⁴ ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP.¹⁵ Sáu loài tê tê còn lại bao gồm tê tê Ấn Độ, tê tê Phillipines, tê tê bụng trắng sống trên cây, tê tê bụng đen sống trên cây, tê tê khổng lồ và tê tê đất khổng lồ tuy không được xếp vào 2 nhóm trên nhưng đều thuộc Phụ lục I CITES.

Các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến vảy của 8 loài tê tê trên có thể bị xử lý theo quy định của BLHS năm 2015 về một trong số các tội danh bao gồm: tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244); tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190); tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191).

2.1.1. Đối với tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

Nghiên cứu quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành, nhóm tác giả nhận thấy:

Thứ nhất, mặc dù Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP đã giải thích hai khái niệm “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” và “sản phẩm” nhưng khi đối chiếu để xác định vảy tê tê thuộc nội hàm của khái niệm nào thì vẫn chưa rõ. Từ đó, dẫn đến việc hiểu và áp dụng pháp luật tại Điều 244 BLHS năm 2015 thiếu thống nhất, cụ thể:

- Về quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 244: Đối tượng tác động của hai điểm này bao gồm tê tê Java và tê tê vàng. Nếu vảy của hai loài tê tê này được xem là “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” hay “sản phẩm” thì hành vi vi phạm đều có thể bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 của điều luật này, cụm từ “sản phẩm” đã được lược bỏ, chỉ còn lại “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”. Đồng nghĩa, trường hợp vảy của tê tê Java và/hoặc tê tê vàng được xác định là “sản phẩm” thì chỉ có thể áp dụng điểm b khoản 1 để giải quyết. Điều này dẫn đến việc không phân hóa được trách nhiệm hình sự (TNHS). Ví dụ: Hành vi tàng trữ 100 kg vảy tê tê vàng và tê tê Java (tương đương với hàng trăm cá thể tê tê) chỉ bị xử lý theo điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015.

- Về quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015: Đối tượng tác động của hai điểm này bao gồm 6 loài tê tê còn lại cùng thuộc Phụ lục I CITES. Tuy nhiên, để có thể xử lý được hành vi vi phạm đối với 6 loài tê tê này (điểm đ khoản 1) thì vảy của tê tê phải được xem là “bộ phận cơ thể không tách rời sự sống”. Tương tự,

13 Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, số thứ tự 53-54.

14 Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, số thứ tự 84, 85.

15 Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp.

tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015, cụm từ “sản phẩm” cũng đã được lược bỏ, chỉ còn lại “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”. Quy định này có vẻ thống nhất với điểm d khoản 1 nhưng lại thiếu thống nhất trong chính nội hàm của điều luật khi đối với vảy của tê tê vàng và tê tê Java thì có thể xem là bộ phận cơ thể không tách rời sự sống hoặc sản phẩm (điểm b khoản 1 Điều 244), trong khi đối với vảy của 6 loài tê tê còn lại chỉ được xác định là bộ phận cơ thể không tách rời sự sống mới có thể xử lý.

Theo nhóm tác giả, không cần quá cứng nhắc trong việc xác định vảy tê tê là “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” hay “sản phẩm” vì tùy từng trường hợp có thể khác nhau. Yếu tố cốt lõi được coi là bộ phận cơ thể không tách rời sự sống là khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết, điều này chỉ xảy ra khi tê tê đã bị lấy đi toàn bộ vảy. Trường hợp tê tê chỉ bị mất đi một số lượng vảy nhất định thì chỉ có thể xem đây là sản phẩm vì không thể gây ra cái chết cho tê tê. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn cần được hướng dẫn rõ.

Thứ hai, điểm d khoản 1; điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 đều dựa vào bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống đã được quy đổi sang số lượng cá thể tê tê để xử lý. Như đã đề cập, hiện nay Việt Nam chưa có phương pháp quy đổi này, thậm chí khi đã tìm được phương pháp thì việc quy đổi số lượng vảy tê tê bị trộm lẫn trong các vụ bắt giữ cũng là một bài toán. Do đó, trong tình hình hiện nay, cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể xử lý đối với vảy tê tê Java và tê tê vàng theo điểm b khoản 1 Điều 244, nhưng không thể xử lý đối với vảy của 6 loài tê tê còn lại theo điều luật này.

Thứ ba, định lượng tối thiểu tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 không được quy định cụ thể là chưa hợp lý, không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong phân hóa TNHS. Điều này dẫn đến việc xử lý TNHS đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép một vài vảy hay số lượng vảy tương đương 1 - 3 cá thể tê tê Java hoặc tê tê vàng đều như nhau.

Gần đây nhất, Dự thảo BLHS sửa đổi năm 2025 đã sửa đổi Điều 244 theo hướng sử dụng khối lượng vảy tê tê làm căn cứ định tội danh và định khung hình phạt. Cụ thể, điểm c khoản 1 Điều 244 (sửa đổi) quy định: “Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép... vảy tê tê có khối lượng từ 03 kilôgam đến dưới 60 kilôgam”. Tương tự như vậy, điểm d khoản 2 quy định vảy tê tê có khối lượng từ 60 kilôgam đến dưới 250 kilôgam; điểm d khoản 3 quy định vảy tê tê có khối lượng từ 250 kilôgam trở lên. Với những quy định này, vảy tê tê dù được xác định là sản phẩm hay bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống đều được xem là đối tượng tác động của các hành vi vi phạm và đều có thể bị xử lý hình sự khi thỏa mãn các mức định lượng theo luật định. Mặt khác, với quy định này, vảy của 08 loài tê tê đều bị xử lý như nhau, không phân biệt vảy có thuộc loài tê tê trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hay không. Việc cân vảy tê tê để xác định khối lượng, làm căn cứ định tội và định khung hình phạt là phương pháp dễ thực hiện đối với các cơ quan có thẩm quyền tiền hành tố tụng (THTT), hạn chế được vướng mắc khi hiện nay chưa có phương pháp quy đổi vảy sang cá thể tê tê, xử lý nhanh trong những trường hợp trộm lẫn vảy, đồng thời loại trừ việc vay mượn Điều 190 và Điều 191 BLHS năm 2015 để xử lý tội phạm. Tuy nhiên, yêu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự đòi hỏi nhà làm luật phải tìm ra phương pháp cho kết

quả hợp lý nhất chứ không phải phương pháp thuận tiện cho việc áp dụng. Nhóm tác giả không đồng ý với hướng sửa đổi BLHS năm 2015 bởi những lý do sau:

Một là, quy định này không tương thích với chính sách xử lý hình sự đối với cá thể tê tê. Nếu đối tượng tác động của hành vi vi phạm là cá thể tê tê thì Dự thảo BLHS sửa đổi có sự phân biệt TNHS đối với các loài tê tê khác nhau. Cụ thể, TNHS đối với chủ thể có hành vi xâm phạm cá thể tê tê Java và tê tê vàng luôn cao hơn so với 06 loài tê tê còn lại. Trong khi đó, khi xử lý các hành vi liên quan đến vảy tê tê thì không có sự phân biệt. Điều này là bất hợp lý vì người phạm tội thường lấy hết vảy của tê tê dẫn đến khả năng chúng sẽ bị chết. Do đó, việc quy định TNHS đối với các hành vi liên quan đến vảy tê tê cũng cần tương thích như quy định đối với cá thể tê tê.

Hai là, việc cân vảy tê tê để xác định khối lượng vảy nhằm định tội và định khung hình phạt dễ dẫn đến sự không công bằng trong xử lý TNHS. Quy định này chưa phân định được sự khác nhau giữa khối lượng vảy khô và vảy ướt. Cùng một số lượng vảy như nhau nhưng vảy ướt sẽ cho ra khối lượng vảy nặng hơn vảy khô.

Ba là, khối lượng vảy trung bình của mỗi loài tê tê là khác nhau, do đó nếu chỉ cân vảy tê tê để làm căn cứ định tội, định khung hình phạt thì không thể đánh giá được mức độ thiệt hại đối với mỗi loài tê tê khác nhau để có chính sách bảo vệ phù hợp và thực hiện trách nhiệm quốc gia trong việc báo cáo đến cơ quan CITES hàng năm.

2.1.2. Đối với tội sản xuất, buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm

Động vật hoang dã (ĐVHD) và sản phẩm của chúng cũng được xem là hàng cấm theo Điều 6 Luật đầu tư năm 2020.¹⁶ Để có thể xử lý hành vi sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển vảy tê tê theo tội danh được quy định tại Điều 190 và Điều 191 BLHS thì cần đáp ứng 02 điều kiện tối thiểu sau: một là, vảy tê tê không được công nhận là đối tượng tác động của tội phạm tại điều 244 BLHS năm 2015. Hai là, vảy tê tê thu giữ được có trị giá tối thiểu là 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng.

Về mặt lý thuyết, do những hạn chế trong quy định của Điều 244 BLHS năm 2015, chủ yếu do cách thức sử dụng thuật ngữ “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” hay “sản phẩm” để ám chỉ vảy tê tê và thiếu phương pháp quy đổi vảy sang cá thể tê tê, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể lựa chọn áp dụng tội danh khác quy định tại Điều 190, 191 BLHS năm 2015 để xử lý hành vi vi phạm. Đây là điểm không hợp lý vì 08 loài tê tê cùng thuộc Phụ lục I CITES nhưng chúng ta lại áp dụng các tội danh khác nhau để xử lý những hành vi xâm hại chúng. Quan trọng hơn, việc căn cứ vào trị giá của vảy tê tê để tội phạm hóa và định khung hình phạt chưa thật sự thuyết phục, không “đáp trả” tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm và không đảm bảo nguyên tắc công bằng của luật hình sự. Trong khi chỉ cần xâm hại một cá thể tê tê Java hoặc tê tê vàng đã có thể bị xử lý theo điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 thì phải cần một số lượng lớn các loài tê tê còn lại bị tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép mới có thể truy cứu TNHS được. Thế nhưng, tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 244 lại nặng hơn tội phạm quy định tại khoản 1 các Điều 190, 191 BLHS năm 2015.¹⁷ Hơn nữa, khách thể xâm phạm của Điều 190, 191 BLHS là trật tự kinh tế, khác với khách thể của Điều 244 BLHS là môi trường. Điều này dẫn đến sự chưa thống nhất trong xử lý TNHS đối với hành vi xâm hại ĐVHD.¹⁸

16 khoản 4 Điều 3 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 97/2020/NĐ-CP).

17 Xem tiêu chí so sánh các tội tại mục 2.2 Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2004 Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

18 Tòa án nhân dân Tối cao, 2022, Dự thảo Báo cáo sơ kết 05 năm thi hành các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và 04 năm thi hành Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234

2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật trong xử lý hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê

Qua việc trình bày những hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam về xử lý các VAHS liên quan đến vảy tê tê ở Mục 2.1, có thể dự đoán việc xử lý trên thực tế có thể gặp nhiều khó khăn. Để minh họa cho nhận định này, nhóm tác giả trình bày tóm tắt một số bản án về xử lý các tội phạm liên quan đến vảy tê tê từ sau khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành đến nay, trên cơ sở đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Một số bản án sau đây xử lý hành vi vi phạm về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS năm 2015). Nội dung các bản án có sự không thống nhất trong việc xác định vảy tê tê là “sản phẩm” hay “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”. Cụ thể:

- Bản án số 179/2018/HS-ST: TAND thành phố HL, tỉnh QN tuyên án về tội tại điểm c khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015 với nhận định: “Kết luận giám định không xác định được 50 kg vảy tê tê là vảy trên nhiều cá thể hay trên một cá thể tê tê nên không thể xác định đây là bộ phận không thể tách rời sự sống của con tê tê...”. Điểm đáng lưu ý trong bản án này là đối với 50kg vảy Tê tê đất khổng lồ, Tòa án đã không tiến hành xử lý theo quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 cũng như bất kỳ tội danh nào khác.

- Bản án số 35/2022/HS-PT: TAND tỉnh PY tuyên án về tội tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 với nhận định: “...hành vi tàng trữ 400 gram vảy loài Tê tê Java là sản phẩm của động vật...”.

- Bản án số 01/2020/HS-ST: TAND huyện QS, tỉnh TH tuyên án về tội tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015. Đồng thời Tòa án nhận định: “Đối với hành vi vận chuyển trái phép 0,7 kg là vảy Tê tê. Do cơ quan giám định không xác định được trong mẫu vật trưng cầu giám định thuộc loài Tê tê nào và không xác định được số lượng cá thể. Mặt khác các quy định của pháp luật hiện hành không quy định cụ thể về việc vảy Tê tê có thuộc “Sản phẩm của loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm” hay không. Do đó không có đủ căn cứ để xử lý hình sự mà cần phải chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để xử phạt hành chính đối với hành vi vận chuyển trái phép số vảy tê tê này”.

- Bản án số 43/2022/HS-ST: TAND huyện TH, tỉnh QB tuyên án về tội tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015. Bản kết luận giám định động vật nêu: 267 vảy động vật là vảy của loài “tê tê Java”. Tòa án nhận định: “Mặc dù nhận thức rõ việc tàng trữ, vận chuyển bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật là vi phạm pháp luật...”

- Bản án số 46/2022/HS-ST: TAND huyện HK, tỉnh HT tuyên án về tội tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015. Bản kết luận giám định động vật nêu: Toàn bộ 460 cái vảy... là sản phẩm động vật. Kết quả giám định ADN của 02 vảy lấy ngẫu nhiên là vảy của loài tê tê Java... Cơ quan giám định không đủ cơ sở khoa học để xác định toàn bộ số vảy động vật trên là của bao nhiêu cá thể động vật; Vảy tê tê là sản phẩm của loài tê tê và có thể tách rời sự sống của loài tê tê trong điều kiện có kiểm soát.”

- Bản án số 56/2022/HS-ST: TAND thành phố MC tuyên án về tội tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 đối với hành vi vận chuyển trái phép 30.151,55 gam vảy của loài tê tê Java. Bản kết luận giám định nêu: “Vảy tê tê là bộ phận có thể tách rời của loài tê tê và là sản phẩm của loài tê tê; không có cơ sở khoa học để xác

về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự năm 2015.

định toàn bộ số vảy tê tê trên là của bao nhiêu cá thể tê tê. Riêng đối với 10.294,89 gam vảy của loài Tê tê khổng lồ, Công văn của Hội đồng ĐGTS thể hiện: Trên địa bàn thành phố Móng Cái hiện nay không lưu thông, giao dịch mua bán mặt hàng vảy loài tê tê khổng lồ nên không có cơ sở để định giá”.

Một số bản án sau đây xử lý hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190 BLHS) hoặc tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 BLHS):

- Bản án số 45/2021/HS-ST: TAND tỉnh HY tuyên án về Tội tàng trữ hàng cấm tại điểm d khoản 3 Điều 191 BLHS năm 2015 với nhận định: “...bị cáo tàng trữ hàng cấm với số lượng rất lớn 32 bao vảy Tê tê trọng lượng 780 kg, trị giá 1.053.000.000đ (gồm vảy tê tê đất, tê tê cây bụng trắng).”

- Bản án số 125/2022/HS-ST: TAND tỉnh Cao Bằng tuyên án về Tội buôn bán hàng cấm tại điểm d khoản 1 Điều 190 BLHS năm 2015. Tại bản kết luận định giá tài sản Hội đồng ĐGTS nêu: “98 kg vảy Tê tê đất khổng lồ và Tê tê đất có giá là 181.300.000đ”.

Thông qua việc phân tích nội dung các bản án đã đề cập, nhóm tác giả nhận thấy một số vấn đề quan trọng sau:

Thứ nhất, quan điểm của Tòa án trong một số bản án về xác định vảy tê tê là sản phẩm hay bộ phận cơ thể không tách rời sự sống không có sự thống nhất. Có những bản án xác định vảy tê tê là sản phẩm hoặc bộ phận cơ thể không tách rời sự sống mà không nêu rõ bất kỳ cơ sở nào.¹⁹ Bên cạnh đó, cũng có bản án nêu rõ cơ sở cho việc xác định (Bản án số 179/2018/HS-ST). Tuy nhiên, theo nhận định của Hội đồng xét xử trong bản án này, vảy chỉ được xem là bộ phận không tách rời sự sống của tê tê khi xác định được một số lượng lớn vảy đã được lấy từ cơ thể của một con tê tê thay vì mỗi con sẽ lấy một ít vảy. Nhận định này có phần không hợp lý vì giữa một khối lượng vảy thu giữ được, rất khó để xác định được liệu mỗi con tê tê có bị lấy hết vảy hay không. Hơn nữa, nếu dựa vào nhận định này thì chỉ xử lý được các hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê Java và tê tê vàng, không xử lý được đối với 06/08 loài tê tê còn lại. Do các dấu hiệu định tội và định khung đối với 06 loài tê tê còn lại tại Điều 244 đều dựa vào “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống”.

Thứ hai, đối với vảy của tê tê Java và tê tê vàng, tuy HĐXX trong các bản án có những nhận định khác nhau về việc xác định vảy tê tê là sản phẩm hay bộ phận cơ thể không tách rời sự sống nhưng điểm, khoản được áp dụng trong phần Quyết định của bản án đều là điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015. Đối với hai loài tê tê này, việc xác định vảy tê tê là sản phẩm hay bộ phận cơ thể không tách rời sự sống không mang ý nghĩa quyết định trong việc định tội và định khung hình phạt bởi chúng đều là đối tượng tác động của tội danh tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS. Ngoài ra, các bản án cũng nêu lên một thực trạng rằng dù số lượng vảy tê tê Java và/hoặc tê tê vàng bị thu giữ là bao nhiêu thì đều bị xử lý theo điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS vì hiện không có cơ sở để quy đổi vảy tê tê sang cá thể tê tê để xử lý theo quy định từ khoản 2 trở đi của Điều 244 BLHS.

Thứ ba, đối với vảy của 06 loài tê tê còn lại, thực tiễn giải quyết vụ án thường theo ba hướng: Một là, không xử lý đối với hành vi vi phạm tại Điều 244 vì nhận định rằng không đủ cơ sở để xác định vảy tê tê là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống, đồng thời

19 Bản án số 35/2022/HS-PT, Bản án số 43/2022/HS-ST, Bản án số 46/2022/HS-ST, Bản án số 56/2022/HS-ST.

cũng không xử lý hành vi phạm tội theo Điều 190, Điều 191 BLHS năm 2015 (Bản án số 179/2018/HS-ST). Hai là, có xu hướng xử lý theo Điều 190, 191 BLHS năm 2015, tuy nhiên tạm thời chưa xử lý đối với hành vi vi phạm do không có cơ sở để định giá (Bản án số 56/2022/HS-ST). Ba là, xử lý hành vi vi phạm về tội danh tại Điều 190 hoặc Điều 191 BLHS năm 2015 (Bản án số 45/2021/HS-ST, Bản án số 125/2022/HS-ST).

Như vậy, hành vi vi phạm pháp luật đối với 06 loài tê tê còn lại đều không thể xử lý được theo quy định tại Điều 244 BLHS năm 2015 dù cả 06 loài tê tê này đều thuộc Phụ lục I CITES. Có quan điểm cho rằng vì không có căn cứ để xử lý theo Điều 244 với tư cách là bộ phận không thể tách rời sự sống nên một số Tòa án đã xét xử theo hành vi buôn bán, tàng trữ, vận chuyển “hàng cấm” quy định tại Điều 190, Điều 191 BLHS.²⁰ Theo quan điểm của nhóm tác giả, đây không phải là lý do duy nhất để cơ quan có thẩm quyền “né tránh” việc xử lý tội phạm theo Điều 244. Đối với bộ phận đặc thù như vảy tê tê, dù có căn cứ để xem đó là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống thì cũng không có cơ sở để xử lý vì chưa có phương pháp quy đổi từ vảy sang cá thể tê tê. Hay nói cách khác, dấu hiệu định tội và định khung hình phạt tại Điều 244 đối với 06 loài tê tê này dựa trên số lượng cá thể. Trong khi đó, Việt Nam hiện vẫn chưa có phương pháp quy đổi cụ thể.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê

Từ những nội dung đã phân tích, theo quan điểm của nhóm tác giả, hiện nay Việt Nam đang có xu hướng tạm vay mượn Điều 190, Điều 191 BLHS năm 2015 để xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê thay vì áp dụng Điều 244. Vì vậy, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị sau đây để hoàn thiện khung pháp lý hình sự về xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê:

Thứ nhất, sửa đổi Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP theo hướng bổ sung “vảy” để làm ví dụ trong hai khái niệm “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” và “sản phẩm”, đồng thời có quy định hướng dẫn chuyên sâu khi nào xác định vảy tê tê là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống và khi nào là sản phẩm để tạo cơ sở cho việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Cụ thể, có thể xem xét sửa đổi như sau: “Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống là... (ví dụ:... vảy tương đương 1 cá thể tê tê trở lên); Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là... (ví dụ:... vảy tê tê)”.

Thứ hai, bổ sung cụm từ “sản phẩm” bên cạnh cụm từ “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” vào điểm d khoản 1; điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015. Việc bổ sung này tạo sự linh hoạt trong cách hiểu và áp dụng pháp luật. Nghĩa là, khi vảy của cả 8 loài tê tê đều được hiểu theo hướng dẫn là “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” hay “sản phẩm” thì đều là đối tượng tác động của tội danh tại Điều 244 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, kiến nghị này cần được kết hợp với phương pháp quy đổi được đề cập ở kiến nghị thứ tư để đảm bảo hiệu quả áp dụng.

Thứ ba, bổ sung quy định về định lượng tối thiểu tại điểm b khoản 1 Điều 244 BLHS năm 2015 để đảm bảo sự phân hóa TNHS.²¹ Theo nhóm tác giả, định lượng tối thiểu này nên được quy định với đơn vị là số cá thể, cụ thể từ 01 đến 02 cá thể lớp thú để thống nhất với cách thức quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 của Điều 244.

²⁰ TANDTC, *tlđđ* (19).

²¹ Lê Huỳnh Tấn Duy, “Đánh giá khung pháp lý hình sự Việt Nam về phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển trên cơ sở các hướng dẫn, chỉ báo quốc tế”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 03, 2023, tr. 99.

Thứ tư, xây dựng nghị quyết hướng dẫn về cách thức quy đổi vảy sang cá thể tê tê. Đây cũng là kiến nghị quan trọng nhất của bài viết, đảm bảo việc xử lý hiệu quả, hợp lý các hành vi vi phạm đối với cả 08 loài tê tê. Kiến nghị này cũng phù hợp với tinh thần của chính sách hình sự hiện tại ở Điều 244 BLHS năm 2015. Khi đó, nhà làm luật nên tham khảo phương pháp quy đổi của IUCN đã đề cập phía trên. Nghiên cứu của IUCN có điểm nổi bật là phạm vi nghiên cứu ở tầm vĩ mô với sự tham gia đa dạng của các nhóm chuyên gia trên khắp thế giới, dễ thực hiện, nhiều công cụ, ứng dụng công nghệ đã được sử dụng để đảm bảo tính chính xác, khách quan của kết quả nghiên cứu. Điểm hạn chế lớn nhất của phương pháp này là hiện nay kết quả nghiên cứu vẫn chưa được công bố chính thức và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Khi được thông qua bởi CITES, các thông số quy đổi sẽ có giá trị rất lớn đối với các quốc gia thành viên, bao gồm Việt Nam. Trong khi chờ đợi phương pháp này được thông qua bởi CITES, nhóm tác giả cho rằng có thể tiếp tục sử dụng Điều 190, 191, 244 BLHS năm 2015 để truy cứu TNHS đối với người phạm tội như hiện nay.

Dù hiện nay Dự thảo BLHS sửa đổi năm 2025 đã quy định một cách thức xử lý mới đối với hành vi vi phạm liên quan đến vảy tê tê nhưng có thể gây ra tranh cãi. Hướng xử lý sử dụng khối lượng vảy tê tê để làm dấu hiệu định tội và định khung hình phạt có vẻ như đã khắc phục được những hạn chế về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật, dễ áp dụng đối với cơ quan có thẩm quyền THTT. Tuy nhiên như đã phân tích, quy định này tạo nên sự thiếu công bằng trong việc xử lý TNHS, chưa đảm bảo tính đồng bộ trong chính sách xử lý hình sự giữa cá thể tê tê và vảy tê tê, đồng thời không thể đánh giá được mức độ thiệt hại đối với mỗi loài tê tê khác nhau để thiết lập các hoạt động bảo vệ phù hợp. Ngoài ra, việc lựa chọn phương pháp này dường như chỉ là phương án tạm thời để giải quyết tình hình hiện nay. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] CITES (2023), AC32 Doc. 31, the 32nd meeting of the Animals Committee, Geneva (Switzerland), 19–23 June 2023
- [2] Lê Huỳnh Tấn Duy, “Đánh giá khung pháp lý hình sự Việt Nam về phòng, chống buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã bằng đường biển trên cơ sở các hướng dẫn, chỉ báo quốc tế”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 03, 2023 [trans: Le Huỳnh Tan Duy, “Assessing Vietnam’s criminal legal framework on combating illegal wildlife trafficking by sea based on international guidelines and indicators”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 03, 2023]
- [3] Tòa án nhân dân Tối cao, 2022, Dự thảo Báo cáo sơ kết 05 năm thi hành các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và 04 năm thi hành Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự năm 2015 [The Supreme People’s Court (2022), Draft Report on the preliminary review of the 5-year implementation of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017) and the 4 – year implementation of Resolution No. 05/2018/NQ-HĐTP guiding the application of Article 234 on Offenses against regulations on wildlife protection and Article 244 on Offenses against regulations on protection of endangered, precious, and rare animals of the 2015 Penal Code]
- [4] United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC), *Wildlife Crime: Pangolin Scales*, 2020
- [5] United States Agency for International Development (USAID), *Hướng dẫn nhận dạng các loài tê tê: Công cụ đánh giá nhanh cho nhân viên cơ sở và văn phòng*, 2017
- [6] Yinglin Xia, *Kruskal Wallis Test*, ScienceDirect, 2012
- [7] Zhou Zhao-Min, Zhao Hong, Zhang Zhong-Xu, Wang Ze-Hui, Wang Han, Allometry of scales in Chinese pangolins (*Manis pentadactyla*) and Malayan pangolins (*Manis javanica*) and application in judicial expertise, *Zoological Research*, 2012, Vol. 33(3), tr. 271–275, Doi: 10.3724/SP.J.1141.2012.03271